

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 13 - 4 - 2022.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN - TỈNH BẠC LIÊU**

*- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đẹp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Đến

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST–HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Văn M**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp PT, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp PT, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh Phan Văn M là nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999, anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Thị L.

Về quan hệ con chung: Anh Phan Văn M xác định trong quá trình chung sống, giữa anh M và chị L có 02 người con chung là cháu Phan Thị Phường, sinh

năm 2000 và Phan Văn Phổ, sinh ngày 23/7/2004. Hiện tại cháu đã trưởng thành nên anh M không có yêu cầu gì; Đối với cháu Phổ anh M đồng ý cho chị L nuôi con và anh xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn chị Đặng Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999, anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm cho đến nay. Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị L thì chị L đồng ý.

Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị L xác định trong quá trình chung sống, giữa anh M và chị L có 02 người con chung là cháu Phan Thị Phường, sinh năm 2000 và Phan Văn Phổ, sinh ngày 23/7/2004. Hiện tại cháu đã trưởng thành nên chị L không có yêu cầu gì; Đối với cháu Phổ hiện đang sống với chị L nên chị L yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Văn Phổ, sinh ngày 23/7/2004 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Phan Văn M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Thị L nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Đặng Thị L có nơi đăng ký thường trú tại ấp PT, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn, bị đơn tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn M yêu cầu xin ly hôn với chị Đặng Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh M thừa nhận vào năm 1999 có tổ chức đám cưới với chị Đặng Thị L trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay anh M xin ly hôn với chị L thì chị L cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh M và chị L xác định giữa anh, chị có 02 người con chung là cháu Phan Thị Phường, sinh năm 2000 và Phan Văn Phổ, sinh ngày 23/7/2004. Hiện tại cháu Phường đã trưởng thành nên anh, chị không có yêu cầu gì; Đối với cháu Phổ hiện tại đang sống với chị L nên anh M đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi con và xin không cấp dưỡng nuôi con thì chị L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phổ hiện đang sống ổn định với chị L, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Đồng thời, cháu Phổ có nguyện vọng theo sống cùng chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Văn Phổ, sinh ngày 23/7/2004 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Phan Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Văn Phổ, sinh ngày 23/7/2004 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn M phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh M đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006197 ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Anh Phan Văn M và chị Đặng Thị L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Lê Văn Đẹp**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại: Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

*- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Thuyền  
Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọt, sinh năm 1988. Nơi đăng kts HKTT: Ấp Ninh Thạnh Đông, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Chung Hoàng Ân, sinh ngày 16/12/1987. Địa chỉ: Ấp Ninh Thạnh Đông, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 89; Điều 90; Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và 14 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3

Về nội dung:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọt và ông Chung Hoàng Ân. Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Ông Chung Hoàng Ân được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chung Gia Vỹ, sinh ngày 29/9/2016. Bà Trần Thị Ngọt có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản. Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọt, phải chịu 3000.000đồng, bà Ngọt đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí ở lai thu số 0005943 ngày 12/11/2021 nay được chuyển thu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc hồi.....cùng ngày.

Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 12 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọt, phải chịu 3000.000đồng, bà Ngọt đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí ở lai thu số 0005943 ngày 12/11/2021 nay được chuyển thu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc hồi.....cùng ngày.

Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán